

Số: /QĐ-HĐTS

Sơn La, ngày tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển các ngành/ngành khối Giáo dục nghề nghiệp trình độ Cao đẳng (đợt 1), Trung cấp (đợt 3) năm 2025

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐT BXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Giấy chứng nhận 91/2023/GCNDKHD-TCGDNN ngày 10/11/2023 của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-SKHĐT ngày 12/12/2024 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, sự nghiệp năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025; Quyết định số 546/QĐ- CĐSL ngày 16/6/2025 của Hiệu trưởng trường CĐ Sơn La Về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1319/QĐ-CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 775/QĐ-CĐSL ngày 21/8/2025 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Sơn La về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1319/QĐ- CĐSL ngày 20/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ Cao đẳng, Trung cấp tại Trường Cao đẳng Sơn La năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-CĐSL ngày 02/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-HĐTS ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng tuyển sinh Về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 (Đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 644/QĐ-HĐTS ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng tuyển sinh Về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 (Đợt 2);

Căn cứ Quyết định số 697/QĐ-HĐTS ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng tuyển sinh Về việc xác định điểm trúng tuyển và công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển trình độ trung cấp năm 2025 - Đợt 2 (bổ sung);

Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-HĐTS ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng tuyển sinh về Công bố điểm trúng tuyển các ngành, nghề trình độ Cao đẳng hệ chính quy năm 2025 (Đợt 1);

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh năm 2025 số 88/BB-HĐTS ngày 21/8/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định số lượng thí sinh trúng tuyển các ngành/ngành trình độ Cao đẳng (đợt 1) và trình độ trung cấp (đợt 3) năm 2025 cụ thể như sau:

TT	Tên nghề	Mã ngành/ngành	Điểm trúng tuyển	Số lượng thí sinh trúng tuyển theo hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT	Số lượng thí sinh nộp hồ sơ tại trường trúng tuyển	Tổng
I	Trình độ Cao đẳng			39	110	149
1	Công nghệ thông tin	6480201	17,00	01	30	31
2	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	6510303	17,00	05	31	36
3	Chăn nuôi - Thú y	6620120	17,00	02	11	13
4	Hướng dẫn du lịch	6810103	17,00	12	14	26
5	Quản lý văn hóa	6340436	17,00	05	16	21
6	Công tác xã hội	6760101	17,00	14	8	22
II	Trình độ Trung cấp					55
1	Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc	5210207	15,75			02
2	Quản trị khách sạn	5810201	15,75			20
3	Kế toán doanh nghiệp	5340302	15,75			01
4	Văn thư hành chính	5320301	15,75			13
5	Dịch vụ pháp lý	5380201	15,75			19
	Tổng I + II					204

Điều 2. Công nhận danh sách **149** thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng nghề (đợt 1), trong đó 39 thí sinh trúng tuyển theo hệ thống tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, 108 thí sinh xét tuyển hồ sơ tại trường; **55** thí sinh trúng tuyển trình độ Trung cấp năm 2025 (đợt 3) vào học các ngành/ngành tại trường Cao đẳng Sơn La.

(Có danh sách kèm theo)

Điều 3. Ủy viên thường trực Hội đồng tuyển sinh có trách nhiệm danh sách thí sinh trúng tuyển, hoàn thiện Giấy báo trúng tuyển và nhập học cho thí sinh, phối hợp với các phòng, khoa chuẩn bị tốt việc tiếp sinh.

Phòng Tổ chức cán bộ - Công tác học sinh sinh viên, Phòng Đào tạo có trách nhiệm tiếp sinh, sắp xếp lớp học, tổ chức đào tạo theo đúng chương trình, kế hoạch của nhà trường và các quy chế, quy định hiện hành.

Thí sinh trúng tuyển có trách nhiệm làm thủ tục nhập học và tham gia học tập theo kế hoạch đào tạo của Nhà trường.

Điều 4. Các ông (bà) ủy viên Hội đồng tuyển sinh, các đơn vị, cá nhân có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 2 chịu trách nhiệm thi hành

Quyết định này. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ (Báo cáo);
- Sở GD-ĐT (Báo cáo);
- Ban Giám hiệu (Chỉ đạo);
- Website nhà trường (Đăng tin);
- Như Điều 4 (Thực hiện);
- Lưu: VT, T.TSHN.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH**

**HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Đức Long**

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG ĐỢT 1 TRÊN HỆ THỐNG PHẦN MỀM TUYỂN SINH CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quyết định số QĐ-HĐTS ngày /8/2025 của Chủ tịch HĐ tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La)

STT	Họ tên	ĐDCN	Ngày sinh	Giới tính	Mã xét tuyển	Tên mã xét tuyển	Thứ tự NV	Kết quả	Ghi chú
1	LÒ QUỐC ANH	011207006785	08/10/2007	Nam	6340436	Cao đẳng Quản lý văn hóa	4	Đỗ	
2	HÀ THỊ OANH	014307007629	26/08/2007	Nữ	6340436	Cao đẳng Quản lý văn hóa	3	Đỗ	
3	HOÀNG QUỐC KHÁNH	014207011712	01/09/2007	Nam	6340436	Cao đẳng Quản lý văn hóa	4	Đỗ	
4	HÀ GIÁNG TIỀN	014307004349	24/12/2007	Nữ	6340436	Cao đẳng Quản lý văn hóa	3	Đỗ	
5	LÒ THỊ ANH	014307014830	01/02/2007	Nữ	6340436	Cao đẳng Quản lý văn hóa	3	Đỗ	
6	LƯỠNG TUẤN TÚ	014207008726	09/09/2007	Nam	6480201	Cao đẳng công nghệ thông tin	4	Đỗ	
7	CÀ NGỌC ĐỨC	014205010209	12/11/2005	Nam	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	2	Đỗ	
8	LƯỠNG PHƯƠNG ĐÔNG	014207004409	04/02/2007	Nam	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	6	Đỗ	
9	ĐẶNG ĐỨC HIỀU	014207013735	13/12/2007	Nam	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	2	Đỗ	
10	PHAN VĂN PHÚC	006207001601	26/05/2007	Nam	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	1	Đỗ	
11	VÌ VĂN HẠC	014204010905	09/04/2004	Nam	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện - Điện tử	1	Đỗ	
12	LÒ THÀNH LUÂN	014207001124	14/03/2007	Nam	6620120	Cao đẳng Chăn nuôi - Thú y	1	Đỗ	
13	BẠC THỊ VÂN	014307007129	14/08/2007	Nữ	6620120	Cao đẳng Chăn nuôi - Thú y	5	Đỗ	
14	MÙA A SÊNH	014207011292	20/07/2007	Nam	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	2	Đỗ	
15	ĐINH THỊ HÔN	014307006908	16/06/2007	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	3	Đỗ	
16	TÔNG DUY THỨC	014207010239	26/03/2007	Nam	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	7	Đỗ	
17	LÒ THỊ KIM XUYẾN	014307004880	29/07/2007	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	6	Đỗ	
18	LƯỠNG THỊ PHƯƠNG DUYỄN	014307006375	15/10/2007	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	4	Đỗ	
19	LÒ THỊ TRANG	014307004584	17/09/2007	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	5	Đỗ	
20	LÒ QUỲNH TRANG	014307011854	01/10/2007	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	3	Đỗ	
21	LƯỠNG GIA HOÀNG	014207003575	11/09/2007	Nam	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	4	Đỗ	
22	HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	014307003742	06/05/2007	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	5	Đỗ	
23	LÒ HỒNG HẢI	014307006151	19/08/2007	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	2	Đỗ	
24	LƯỠNG THỊ VÂN	014307010003	06/12/2007	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	7	Đỗ	
25	ĐINH MAI ANH	014307011661	26/11/2007	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	4	Đỗ	
26	TRẦN THU THẢO	014305002929	13/12/2005	Nữ	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	3	Đỗ	
27	GIÀNG A THÁI	014207008338	12/09/2007	Nam	6760101	Cao đẳng Công tác xã hội	1	Đỗ	
28	LƯỠNG VIỆT DŨNG	011207003393	13/07/2007	Nam	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	2	Đỗ	
29	LÒ THỊ HÀ	014307000057	15/01/2007	Nữ	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	2	Đỗ	
30	LÒ THỊ VÂN	014307003182	17/03/2007	Nữ	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	3	Đỗ	
31	VÀ THỊ THẢO VI	014307012531	11/11/2007	Nữ	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	3	Đỗ	
32	TRẦN NGỌC HUY	025207007068	27/07/2007	Nam	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	1	Đỗ	
33	GIÀNG THỊ THU	014307010699	09/10/2007	Nữ	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	1	Đỗ	
34	LÒ THỊ THU HẰNG	014307000238	25/02/2007	Nữ	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	4	Đỗ	
35	VÌ THỊ BẠCH TRÀ	014306004146	15/08/2006	Nữ	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	3	Đỗ	
36	THÀO A VỸ	014207009514	15/09/2007	Nam	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	4	Đỗ	
37	ĐINH ANH ĐÀO	014306004756	01/07/2006	Nữ	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	2	Đỗ	
38	LÒ MẠNH CUỒNG	014207006146	03/10/2007	Nam	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	1	Đỗ	
39	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	014207008632	12/07/2007	Nam	6810103	Cao đẳng hướng dẫn du lịch	3	Đỗ	

(Danh sách trên có 39 thí sinh trúng tuyển)

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG (ĐỢT 1) NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN TẠI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số QĐ-HĐTS ngày /8/2025 của Chủ tịch HĐ tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La)

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
I	Ngành Công nghệ thông tin												
1	Tòng Hoàng	Bách	03/02/2007	Nam	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học-Tiếng Anh-Công nghệ	26.65	Tổ 3	Phường Chiềng An	Tỉnh Sơn La
2	Vũ Quang	Khải	21/11/2007	Nam	Kinh	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	25.85	Tổ 8	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
3	Cà Quyết	Hoàn	25/11/2007	Nam	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học - Hóa học- Tin	24.85	Bản Chạy Cang	Xã Huổi Một	Tỉnh Sơn La
4	Hàng A	Nu	26/3/2007	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Công nghệ	24.65	Bản Đông Sàn	Xã Tà Hộc	Tỉnh Sơn La
5	Lý A	Nam	22/11/2007	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Hóa học- Công nghệ	24.45	Bản Buôm Khoang	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
6	Hờ A	Cử	03/4/2007	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý-Công nghệ	24.35	Bản Sơn Tra	Xã Tà Hộc	Tỉnh Sơn La
7	Mùa A	Nủ	18/11/2006	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý -Tin	24.25	Bản Nà Cang	Xã Mai Sơn	Tỉnh Sơn La
8	Sòng Lao	Xuân	13/02/2006	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin chất lượng cao	Toán học- Vật lý- Hóa học	24.15	Bản Suối Cút	Xã Chiềng On	Tỉnh Sơn La
9	Lò Thị	Hóa	03/04/2007	Nữ	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin chất lượng cao	Toán học- Vật lý -Tin	24.15	Bản Sai Chiên	Xã Bình Thuận	Tỉnh Sơn La
10	Tòng Thị	Du	27/10/2005	Nữ	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin chất lượng cao	Toán học- Vật lý- Hóa học	24.15	Bản Nà Sặng	Xã Chiềng Sơ	Tỉnh Sơn La
11	Quàng Thị Thảo	Nguyên	23/08/2007	Nữ	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.95	Bản Mòn 1	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
12	Vừ A	Quốc	28/01/2007	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Hóa học- Tin	23.95	Bản Phai Tung	Xã Mường Báng	Tỉnh Điện Biên
13	Đinh Thị Thanh	Kiều	10/12/2007	Nữ	Mường	12/12	6480201	Công nghệ thông tin chất lượng cao	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.75	Bản Tăng	Xã Chiềng Sại	Tỉnh Sơn La
14	Lý A	Tùng	07/01/2007	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.65	Bản Buôm	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
15	Lò Văn	Hùng	01/11/2004	Nam	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.65	Bản Ba Nhất	Xã Quỳnh Nhai	Tỉnh Sơn La
16	Lường Thị Kim	Cương	11/01/2006	Nữ	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin chất lượng cao	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.45	Bản Yên Tiến	Xã Mai Sơn	Tỉnh Sơn La
17	Vàng Lao	Quân	19/5/2006	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.35	Bản Đìn Chí	Xã Yên Sơn	Tỉnh Sơn La
18	Lê Duy	Khánh	22/10/2007	Nam	Kinh	12/12	6480201	Công nghệ thông tin chất lượng cao	Toán học- Vật lý- Hóa học	22.95	Tiểu khu 17	Xã Mai Sơn	Tỉnh Sơn La
19	Lò Thế	Du	10/6/2007	Nam	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học-Tiếng Anh-Công nghệ	22.95	Bản Nặm Ứn	Xã Yên Châu	Tỉnh Sơn La
20	Quàng Thanh	Thảo	09/09/2005	Nữ	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin chất lượng cao	Toán học- Vật lý- Hóa học	22.90	Chiềng Tè	Xã Mường La	Tỉnh Sơn La
21	Lò Xuân	Điều	27/12/2007	Nam	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	22.85	Bản Búng Diễn	Xã Mường Bú	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
22	Lê Ngân	Hà	31/10/2007	Nữ	Kinh	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học-Tiếng Anh- Tin	22.85	Tổ 3	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
23	Lò Thị	Ngân	17/9/2007	Nữ	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý -Tin	22.45	Bản Pá Le	Xã Mường Giôn	Tỉnh Sơn La
24	Hờ A	Ký	02/12/2007	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Hóa học- Tiếng Anh	22.25	Bản Pá Xúm	Xã Mường Bú	Tỉnh Sơn La
25	Lò Minh	Ngọc	02/10/2003	Nam	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	22.05	Bản Tân Lương 1	Xã Phù Yên	Tỉnh Sơn La
26	Hàng A	Cáng	03/02/0007	Nam	Mông	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán- Vật lý- Công nghệ	21.55	Bản Huổi Dáng	Xã Mường Hung	Tỉnh Sơn La
27	Hoàng Văn	Thảo	28/9/2007	Nam	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Hóa học- Công nghệ	21.05	Bản Kéo Tóc	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
28	Lò Nhíp	Phi	24/9/2007	Nam	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	20.85	Bản Chạy Cang	Xã Huổi Một	Tỉnh Sơn La
29	La Văn	Truyền	5/8/1995	Nam	Thái	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	19.55	Tiểu khu 8	Xã Nà Bó	Tỉnh Sơn La
30	Hà Quốc	Khánh	21/8/2004	Nam	Kinh	12/12	6480201	Công nghệ thông tin	Toán học- Vật lý- Hóa học	17.45	Khương Tiên	Xã Chiềng Khương	Tỉnh Sơn La
II.	Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử												
1	Tòng Đan	Trường	04/06/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Hóa học- Công nghệ	27.75	Bản Mé Ban	Phường Chiềng Cơi	Tỉnh Sơn La
2	Tòng Thái	Tú	29/12/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Hóa học- Công nghệ	27.45	Bản Chậu Cọ	Phường Chiềng Cơi	Tỉnh Sơn La
3	Vì Duy	Anh	09/10/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Hóa học- Công nghệ	26.25	Bản Nà Sài	Xã Đoàn Kết	Tỉnh Sơn La
4	Mùa A	Cu	14/4/2007	Nam	Mông	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Công nghệ	25.75	Bản Làng Châu	Xã Tà Xùa	Tỉnh Sơn La
5	Lò Đăng	Khoa	01/9/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Tiếng Anh- Tin	24.85	Bản Tin Tóc	Xã Chiềng Hặc	Tỉnh Sơn La
6	Thào Xuân	Sòng	07/4/2007	Nam	Mông	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học-Tiếng Anh- Tin	24.85	Bản Suối Dinh	Xã Suối Tọ	Tỉnh Sơn La
7	Tòng Thanh	Lâm	8/6/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Công nghệ	24.65	Bản Bôm Cưa	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
8	Lò Văn	Huân	11/03/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Hóa học- Công nghệ	24.65	Bản Léch	Xã Chiềng Lao	Tỉnh Sơn La
9	Giàng Nụ	Dia	07/10/2007	Nam	Mông	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Tin	24.65	Bản Ta Hóc	Xã Huổi Một	Tỉnh Sơn La
10	Tòng Minh	Khoa	14/8/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Hóa học- Tin	24.55	Bản Nà Hin	Xã Sông Mã	Tỉnh Sơn La
11	Cà Anh	Tú	25/3/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học-Vật lý- Công nghệ	24.45	Bản Phung	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
12	Lường Văn	Nam	24/9/2005	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	24.25	Bản Mo	Xã Chiềng Khương	Tỉnh Sơn La
13	Cà Quốc	Bảo	21/4/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	24.25	Bản Giàn	Xã Mường Bú	Tỉnh Sơn La

14	Hà Huy	Phong	20/7/2006	Nam	Mường	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.95	Bản Nà Lò 2	Xã Phù Yên	Tỉnh Sơn La
15	Quàng Văn	Kiệt	07/12/2006	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.95	Bản Cang Bó Ban	Xã Mường La	Tỉnh Sơn La
16	Lò Trí	Dũng	02/03/2006	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.85	Bản Mường Chiến 2	Xã Ngọc Chiến	Tỉnh Sơn La
17	Lường Xuân	Phú	21/03/2006	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.75	Bản Tiên Phong	Xã Phù Yên	Tỉnh Sơn La
18	Quàng Văn	Quân	22/8/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.65	Bản Huổi Choi	Xã Chiềng Lao	Tỉnh Sơn La
19	Lò Văn	Thế	01/02/2006	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.65	Bản Huổi Pát	Xã Mường Lằm	Tỉnh Sơn La
20	Lường Văn	Huy	01/01/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Tin	23.55	Bản Piêng	Xã Mường La	Tỉnh Sơn La
21	Lò Văn	Trường	10/9/2006	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.45	Bản Trả Láy	Xã Mường Lằm	Tỉnh Sơn La
22	Lầu A	Hùng	02/12/2007	Nam	Mông	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Hóa học- Tin	23.45	Bản Co Mạ	Xã Huổi Một	Tỉnh Sơn La
23	Tòng Văn	Thiên	02/01/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	23.15	Bản Quỳnh Liên	Xã Phiêng Khoài	Tỉnh Sơn La
24	Sa Ngọc	Khánh	20/02/2007	Nam	Mường	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Hóa học- Tin	23.15	Bản Nà Hin	Xã Sông Mã	Tỉnh Sơn La
25	Lành Gia	Bảo	04/12/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	22.95	Bản Ta Mo	Xã Mường Bú	Tỉnh Sơn La
26	Hà Văn	Nguyên	16/10/2003	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	22.65	Bản Pàn	Xã Tô Múa	Tỉnh Sơn La
27	Đình Minh	Vũ	09/7/2006	Nam	Mường	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	21.95	Bản Ban	Xã Phù Yên	Tỉnh Sơn La
28	Quàng Văn	Huyền	20/11/2006	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	21.75	Bản Tra	Xã Mường Khiêng	Tỉnh Sơn La
29	Ngô Hoàng	Hiệp	18/12/2007	Nam	Kinh	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học-Vật lý- Công nghệ	21.25	Tiểu khu 7	Xã Phù Yên	Tỉnh Sơn La
30	Hoàng Văn	Quân	20/8/2002	Nam	Kinh	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	21.05	Tổ 1	Phường Chiềng Cơi	Tỉnh Sơn La
31	Lò Đức	Giang	02/12/2003	Nam	Thái	12/12	6510303	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Toán học- Vật lý- Hóa học	19.85	Bản Pưn	Xã Gia Phù	Tỉnh Sơn La
III	Ngành Quản lý văn hóa												
1	Lò Thị Nhân	Duyên	9/3/2007	Nữ	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	26.05	Bản Cho Cong	Xã Phiêng Cầm	Tỉnh Sơn La
2	Quàng Tuấn	Anh	02/10/2007	Nam	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	25.95	Bản Dầy	Xã Chiềng Cọ	Tỉnh Sơn La
3	Tòng Thị Thu	Trang	03/10/2007	Nữ	Thái	7,4	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	25.55	Bản Lè	Xã Chiềng Khoong	Tỉnh Sơn La
4	Tòng Văn	Lâm	15/03/2005	Nam	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	24.65	Bản Mu Kít	Xã Cò Nòi	Tỉnh Sơn La
5	Lèo Thị Kim	Chi	23/06/2007	Nữ	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	24.35	Bản Phung	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
6	Lý Thị	Lang	15/12/2007	Nữ	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	24.35	Bản Buông Khoang	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
7	Vừ Thị	Sông	23/6/2007	Nam	Mông	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	23.85	Bản Co Nghè A	Xã Co Mạ	Tỉnh Sơn La
8	Mùi Thị Bảo	Trần	19/11/2007	Nữ	Mường	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Tiếng Anh	23.65	Bản Phiêng Ban 1	Xã Bắc Yên	Tỉnh Sơn La
9	Sa Thị Thảo	Vi	13/9/2006	Nữ	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	23.35	TK Phiêng Ban 2	Xã Bắc Yên	Tỉnh Sơn La
10	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/11/2006	Nữ	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	23.25	Bản Puôi 3	Xã Phù Yên	Tỉnh Sơn La
11	Lò Thị Thu	Thủy	08/10/2007	Nữ	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Tiếng Anh	23.25	Bản Cang Hợp	Xã Bắc Yên	Tỉnh Sơn La
12	Lường Xuân	Thảo	27/7/2007	Nam	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	23.05	Bản Sài Khao	Xã Phiêng Cầm	Tỉnh Sơn La
13	Cà Lan	Anh	22/10/2007	Nữ	Thái	12/13	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22.85	Bản Búc	Xã Chiềng Sung	Tỉnh Sơn La
14	Nguyễn Thị Ngọc	Thư	02/03/2006	Nữ	Kinh	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22.75	Tiểu khu 8	Xã Phù Yên	Tỉnh Sơn La
15	Đào Thị Minh	Nghĩa	30/3/2006	Nữ	Kinh	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22.45	Xóm 8	Xã Mường Giàng	Tỉnh Sơn La
16	Quàng Văn	Dương	21/07/2006	Nam	Thái	12/12	6340436	Quản lý văn hóa	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22.35	Bản Púng	Xã Chiềng Ve	Tỉnh Sơn La
IV	Ngành Chăn nuôi thú y												
1	Hoàng Thị Hồng	Thắm	28/9/2006	Nữ	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	25.45	Bản Nong Tàu Thái	Xã Phiêng Cầm	Tỉnh Sơn La
2	Lường Văn	Chơ	06/4/1993	Nam	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	24.45	Bản Máy Đường	Xã Thuận Châu	Tỉnh Sơn La
3	Tòng Thị	Hiền	19/06/2003	Nữ	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	23.55	Bản Mười	Xã Bó Mười	tỉnh Sơn La
4	Tòng Văn	Phương	23/01/2001	Nam	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	22.95	Bản Thắm Mạy	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
5	Lò Văn	Đức	30/11/1996	Nam	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	21.35	Mường Pia	Xã Chiềng Hoa	Tỉnh Sơn La
6	Lò Thạch	Thảo	23/9/1997	Nữ	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	21.25	Bản Liềm Ban	Xã Púng Bánh	Tỉnh Sơn La
7	Lò Văn	Khoa	23/12/1994	Nam	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	20.45	Bản Phai Tung	Xã Mường Báng	tỉnh Điện Biên
8	Lò Thị	Thắm	17/10/1992	Nữ	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	19.35	Bản Tân Hồng	Xã Mường Sại	Tỉnh Sơn La
9	Lò Văn	Nhất	11/7/1995	Nam	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	18.55	Bản Chiềng La	Xã Chiềng La	Tỉnh Sơn La
10	Cà Văn	Tân	17/9/1996	Nam	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	17.55	Bản Muông	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
11	Lò Thị	Phiêng	7/8/1989	Nữ	Thái	12/12	6620120	Chăn nuôi- Thú y	Toán học- Hóa học- Sinh học	17.35	Bản Tông	Phường Chiềng An	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển	Địa chỉ		
											Bản	Xã/Phường	Tỉnh
V	Ngành Công tác xã hội												
1	Lường Thị Bích	Hạnh	16/8/2007	Nữ	Thái	12/12	6760101	Công tác xã hội	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	25.55	Bản Ái 1	Xã Phiêng Khoài	Tỉnh Sơn La
2	Lù Thị	Thu	07/6/2006	Nữ	Thái	12/12	6760101	Công tác xã hội	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	25.55	Bản Ít B	Xã Mường Sại	Tỉnh Sơn La
3	Tòng Trung	Toàn	02/3/2007	Nam	Thái	12/12	6760101	Công tác xã hội	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	25.35	Bản Hùn	Phường Chiềng Cơi	Tỉnh Sơn La
4	Nguyễn Văn	Nhật	23/05/2005	Nam	Kinh	12/12	6760101	Công tác xã hội	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	24.35	Thôn Phúc Cầu	Phường Chương Mỹ	Hà Nội
5	Và Trung	Anh	21/7/2005	Nam	Mông	12/12	6760101	Công tác xã hội	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22.55	Bản Nong Vai	Xã Co Mạ	Tỉnh Sơn La
6	Xa Thị Quỳnh	Anh	27/04/2007	Nữ	Mường	12/12	6760101	Công tác xã hội	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22.45	Tổ dân phố 1	Xã Sông Mã	Tỉnh Sơn La
7	Lò Thị Kim	Thanh	04/6/2005	Nữ	Thái	12/12	6760101	Công tác xã hội	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	21.95	Tổ 15	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
8	Cầm Đức	Quyền	05/01/2007	Nam	Thái	12/12	6510303	Công tác xã hội	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	20.55	Bản Lằm	Xã Thuận Châu	Tỉnh Sơn La
VI	Ngành Hướng dẫn du lịch												
1	Quàng Văn	Úy	29/8/2027	Nam	Thái	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	26.05	Bản Phiêng Bùng 2	Xã Mường Bú	Tỉnh Sơn La
2	Lường Thị Yên	Tâm	26/12/2007	Nữ	Thái	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	24.75	Tiểu khu 1	Xã Bắc Yên	Tỉnh Sơn La
3	Kháng A	Hạng	21/09/2007	Nam	Mông	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	24.65	Bản Ngam La	Xã Ngọc Chiến	Tỉnh Sơn La
4	Lò Thị Linh	Nhi	04/12/2007	Nữ	Thái	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	23.95	Bản Bó Ban	Xã Mường La	Tỉnh Sơn La
5	Cà Thị Trà	My	21/11/2007	Nữ	Thái	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	23.35	Bản Pát	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
6	Kháng A	Chinh	20/11/2007	Nam	Mông	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	23.05	Bản Ngam La	Xã Ngọc Chiến	Tỉnh Sơn La
7	Ngần Thị Thiên	Hương	18/5/2006	Nữ	Thái	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22.95	Bản Nà Chà	Xã Tô Múa	Tỉnh Sơn La
8	Quàng Thị	Dương	19/5/2007	Nữ	Thái	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22.55	Bản Sông	Xã Chiềng Sơ	Tỉnh Sơn La
9	Tráng A	Phong	20/10/2006	Nam	Mông	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	22.05	Bản Pu Nhàn	Xã Lóng Sập	Tỉnh Sơn La
10	Vì Thị	Linh	02/12/2007	Nữ	Xinh mun	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	21.55	Bản Trạm Hóc	Xã Yên Sơn	Tỉnh Sơn La
11	Vàng A	Tiến	10/11/2006	Nam	Mông	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	21.35	Bó Nhàng 2	Xã Vân Hồ	Tỉnh Sơn La
12	Lò Thị	Quỳnh	20/11/2007	Nữ	Thái	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Văn học- Lịch sử- Tiếng Anh	20.95	Bản Suối Mực	Xã Chiềng Yên	Tỉnh Sơn La
13	Đặng Thị	Hiền	07/10/2005	Nữ	Dao	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	20.25	Tổ dân phố Tà Lạng	Phường Thảo Nguyên	Tỉnh Sơn La
14	Lò Thị Bảo	Trâm	13/7/2007	Nữ	Thái	12/12	6810103	Hướng dẫn du lịch	Ngữ văn- Lịch sử- Địa lý	25.75	Bản Mường Nưa	Xã Mường Lằm	Tỉnh Sơn La

(Danh sách trên có 110 thí sinh trúng tuyển)

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (ĐỢT 3)
(Kèm theo Quyết định số QĐ-HĐTS ngày /8/2025 của Chủ tịch HĐ tuyển sinh Trường Cao đẳng Sơn La)

[illegible]

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển 1	Điểm xét tuyển 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường	Tỉnh
1	Nguyễn Ngọc Bảo	Ngân	01/12/2005	Nữ	Kinh	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Ngữ văn - Lịch sử- Địa lý	21.75		15.75	Bản Cang	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
2	Lò Nhật	Anh	07/8/2009	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Ngữ văn-Lịch sử - Địa lý	19.65		15.75	Tổ 10	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
3	Sòng A	Da	08/02/2009	Nam	Mông	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Ngữ văn-Lịch sử - Địa lý	18.95		15.75	Bản Páng Sắng	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
4	Sòng A	Chông	18/3/2007	Nam	Mông	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Ngữ văn-Lịch sử - Địa lý	18.05		15.75	Bản Páng Sắng	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
5	Vàng Thị	Sua	08/04/2010	Nữ	Mông	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		25.95	15.75	Bản Huổi Nhà	Xã Phiêng Cắm	Tỉnh Sơn La
6	Giàng Thị	Hằng	01/06/2010	Nữ	Mông	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		21.35	15.75	Bản Pá Hóc	Xã Phiêng Cắm	Tỉnh Sơn La
7	Lù Mai	Xuyến	20/8/2010	Nữ	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20.85	15.75	Bản Púng	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
8	Ly A	Mạnh	28/10/2010	Nam	Mông	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20.55	15.75	Bản Huổi Giếng	Xã Bình Thuận	Tỉnh Sơn La
9	Cà Hải	Nam	18/9/2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20.45	15.75	Bản Sắng	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
10	Mùa Vàng	Chang	06/5/2010	Nam	Mông	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		20.05	15.75	Bản Pá Đông	Xã Tà Hộc	Tỉnh Sơn La
11	Lò Văn	Chương	28-09-2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.95	15.75	Bản Lương Mạt	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
12	Giàng A	Tì	18/6/2010	Nam	Mông	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.75	15.75	Bản Rừng Thông	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
13	Hà Nhật	Quân	01/01/2010	Nam	Mường	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.65	15.75	Bản Bản	Xã Mường Cơi	Tỉnh Sơn La
14	Phàng A	Mạnh	05/05/2010	Nam	Mông	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.45	15.75	Bản Hua Bó	Xã Phiêng Păn	Tỉnh Sơn La
15	Tòng Quốc	Khánh	18-01-2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.45	15.75	Bản Xum	Xã Chiềng Mung	Tỉnh Sơn La
16	Hoàng Thành	Hung	20-03-2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.15	15.75	Bản Ten Hạ	Xã Mường Chanh	Tỉnh Sơn La
17	Cầm Huy	Đạt	31/3/2010	Nam	Thái	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		18.65	15.75	Bản Nhịu Ten	Xã Mường Chanh	Tỉnh Sơn La
18	Nguyễn Đình	Quân	02/10/2010	Nam	Kinh	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		18.55	15.75	Tiểu khu 21	Xã Mai Sơn	Tỉnh Sơn La
19	Lê Hải	Hà	10-09-2010	Nam	Kinh	9/12	5380201	Dịch vụ pháp lý	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		16.75	15.75	Tổ 5	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
III	Nghề Văn thư hành chính														
1	Lò Thị Bích	Quyên	10-05-2009	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Ngữ văn - Lịch sử- Địa lý	22.45		15.75	Bản Mòn	Xã Mai Sơn	Tỉnh Sơn La
2	Sòng A	Phư	26/6/2009	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Ngữ văn - Lịch sử- Địa lý	19.35		15.75	Bản Tổng Cầu	Xã Mường Cơi	Tỉnh Sơn La
3	Sòng Thị	Vang	12/03/2010	Nữ	Mông	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.55	15.75	Bản Tổng Cầu	Xã Mường Cơi	Tỉnh Sơn La

STT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	VH	Mã ngành (*)	Nghề	Môn xét tuyển	Điểm xét tuyển 1	Điểm xét tuyển 2	Mức điểm trúng tuyển	Địa chỉ		
													Bản	Xã/Phường	Tỉnh
4	Quàng Văn	Quyền	18-08-2009	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.55	15.75	Bản Kham	Phường Chiềng Coi	Tỉnh Sơn La
5	Đình Hoàng	Duy	03/5/2010	Nam	Mường	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.45	15.75	Bản Tà Đò	Xã Tạ Khoa	Tỉnh Sơn La
6	Tòng Thị Hồng	Bích	05-04-2010	Nữ	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		19.35	15.75	Tổ 15	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
7	Cà Văn	Khải	11/03/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		18.85	15.75	Bản Nẹ Nưa	Xã Chiềng Mai	Tỉnh Sơn La
8	Tòng Duy	Mạnh	20-02-2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		18.15	15.75	Bản Hịa	Phường Chiềng Coi	Tỉnh Sơn La
9	Sông A	Hùng	13/9/2010	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		17.95	15.75	Bản Suối Tàu	Xã Mường Coi	Tỉnh Sơn La
10	Sông A	Cu	17/10/2010	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		17.85	15.75	Bản Suối Tàu	Xã Mường Coi	Tỉnh Sơn La
11	Sông A	Mó	11/04/2010	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		17.75	15.75	Bản Suối Tàu	Xã Mường Coi	Tỉnh Sơn La
12	Quàng Văn Gia	Bảo	27/05/2010	Nam	Thái	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		17.75	15.75	Tổ 1	Phường Chiềng Sinh	Tỉnh Sơn La
13	Hờ A	Dê	27/10/2010	Nam	Mông	9/12	5320301	Văn thư Hành chính	Toán học- Ngữ văn-Lịch sử và Địa lý		17.45	15.75	Bản Suối Tàu	Xã Mường Coi	Tỉnh Sơn La
IV	Nghề Kế toán doanh nghiệp														
1	Hoàng Chung	Vui	07/12/2002	Nam	Thái	9/12	5340302	Kế toán doanh nghiệp	Toán học- Vật lý- Hóa học		18.75	15.75	Bản Nặm Bông	Xã Mường Chanh	Tỉnh Sơn La
V	Nghề Nghệ thuật biểu diễn múa dân gian dân tộc														
1	Lê Bảo	Quốc	12/02/2013	Nam	Kinh	6/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu		22.75	15.75	Bản Hụm	Phường Chiềng An	Tỉnh Sơn La
2	Lê Thảo	Linh	12/02/2013	Nữ	Kinh	6/12	5210207	Nghệ thuật biểu diễn múa DGDT	Toán học- Ngữ văn- Năng khiếu		22.05	15.75	Bản Hụm	Phường Chiềng An	Tỉnh Sơn La

(Danh sách trên có 55 thí sinh trúng tuyển)